

Số: 55 /NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 03 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 và bổ sung kế hoạch vốn năm 2025 (đợt 3) thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Nghệ An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 33**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; số 920/QĐ-TTg ngày 14 tháng 5 năm 2025 điều chỉnh một số nội dung của chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia; số 147/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia và điều chỉnh một số chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ của 03 chương trình mục tiêu quốc gia tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ; số 1148/QĐ-TTg ngày 13 tháng 6 năm 2025 về việc giao bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách Trung ương năm 2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia (đợt 2);

Căn cứ Công văn số 2221/BDTTG-VPQGDTMN ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo về việc trả lời kiến nghị của địa phương liên quan đến phân bổ vốn đầu tư nguồn ngân sách Trung ương năm 2025 thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Xét Tờ trình số 11668/TTr-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 và bổ sung kế hoạch vốn năm 2025 (đợt 3) thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022 trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025: 2.649.811 triệu đồng. Trong đó:

a) Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt: 161.681 triệu đồng.

b) Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết: 85.406,6 triệu đồng.

c) Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực dân tộc: 1.749.761,5 triệu đồng.

d) Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: 418.722 triệu đồng.

đ) Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch: 76.963,9 triệu đồng.

e) Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em: 59.970 triệu đồng.

g) Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn: 97.306 triệu đồng”.

b) Bãi bỏ Phụ lục III, Phụ lục IX kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Bãi bỏ Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc bổ sung, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

3. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025 đối với 09 dự án. Bổ sung danh mục, kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025 và bổ sung kế hoạch vốn năm 2025 (đợt 3) là 84.310,4 triệu đồng (*Tám mươi tư tỷ, ba trăm mười triệu, bốn trăm nghìn đồng*) đối với 04 dự án.

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Khoá XVIII, Kỳ họp thứ 33 thông qua ngày 03 tháng 11 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua. / 

Nơi nhận: 

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Tài chính (để b/c);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Cơ quan UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các xã;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Website <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT 

CHỦ TỊCH



Hoàng Nghĩa Hiếu



Phụ lục

Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 về kế hoạch vốn năm 2025 (đợt 3) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Nghệ An

(Kèm theo Nghị quyết số 55/NQ-HĐND tỉnh ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025 (đợt 3)	Ghi chú
		Theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 12/10/2022; số 41/NQ-HĐND ngày 11/9/2023	Kế hoạch vốn điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh		
			Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)			
	TỔNG	140.684,0	84.310,4	84.310,4	140.684,0	84.310,4	
I	Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn	140.684,0	84.310,4	0,0	56.373,6	0,0	
I.1	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	34.638,0	1.189,4	0,0	33.448,6	0,0	
1	Dự án khu tái định cư Khe Hộc, bản Huồi Púng, xã Hữu Khuông, huyện Tương Dương	34.638,0	1.189,4	0,0	33.448,6	0,0	NQ số 45/NQ-HĐND
I.2	Dự án 4 (Tiểu dự án 1): Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	9.037,0	1.050,9	0,0	7.986,1	0,0	
2	Nâng cấp công trình thủy lợi Na Mương - bản Na Loi, xã Na Loi, huyện Kỳ Sơn	1.350,0	242,0	0,0	1.108,0	0,0	NQ số 45/NQ-HĐND
3	Xây dựng công trình thủy lợi khe Huồi Phan - bản Piêng Lau, xã Na Loi, huyện Kỳ Sơn	1.700,0	600,2	0,0	1.099,8	0,0	NQ số 45/NQ-HĐND
4	Xây dựng công trình phụ trợ khu thể thao bản Na Loi, xã Na Loi, huyện Kỳ Sơn	700,0	200,0	0,0	500,0	0,0	NQ số 45/NQ-HĐND
5	Xây dựng đường giao thông nông thôn từ bản Cánh - bản Bình Sơn 2, xã Tà Cạ, huyện Kỳ Sơn	2.237,0	4,0	0,0	2.233,0	0,0	NQ số 45/NQ-HĐND
6	Cải tạo, nâng cấp công trình nước sinh hoạt bản Tạt Thoong, xã Chiêu Lưu, huyện Kỳ Sơn	1.100,0	1,2	0,0	1.098,8	0,0	NQ số 45/NQ-HĐND
7	Xây dựng đường giao thông nội bản Khe Nà, xã Châu Khê	1.100,0	3,0	0,0	1.097,0	0,0	NQ số 45/NQ-HĐND
8	Xây dựng nhà văn hóa xóm Tam Đảo, xã Châu Đình	850,0	0,5	0,0	849,5	0,0	NQ số 45/NQ-HĐND
I.3	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	15.378,0	439,1	0,0	14.938,9	0,0	
9	Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống tại bản Hoa Tiến, xã Châu Tiến, huyện Quỳnh Châu	15.378,0	439,1	0,0	14.938,9	0,0	NQ số 45/NQ-HĐND
I.4	Dự án 3 (Tiểu dự án 2, Nội dung số 02): Hỗ trợ phát triển được liệu quý vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	34.339,0	34.339,0	0,0	0,0	0,0	NQ số 41/NQ-HĐND
I.5	Dự án 10 (Tiểu dự án 2): Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	47.292,0	47.292,0	0,0	0,0	0,0	NQ số 41/NQ-HĐND
II	Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn			84.310,4	84.310,4	84.310,4	

TT	Danh mục dự án	Giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025 (đợt 3)	Ghi chú
		Theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 12/10/2022; số 41/NQ-HĐND ngày 11/9/2023	Kế hoạch vốn điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh		
			Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)			
	Dự án 4 (Tiểu dự án 1): Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			84.310,4	84.310,4	84.310,4	
	Công trình cầu giao thông kết nối các xã biên giới, xã khu vực III, thôn ĐBK			84.310,4	84.310,4	84.310,4	
	Xã Tiên Phong			26.136,0	26.136,0	26.136,0	
1	Xây dựng hệ thống cầu cứng và đường 02 đầu cầu thay thế các cầu tràn trên tuyến đường vào bản Na Sành, xã Tiên Phong, tỉnh Nghệ An			26.136,0	26.136,0	26.136,0	
	Xã Nhôn Mai			16.420,0	16.420,0	16.420,0	
2	Xây dựng cầu dân sinh, kè chắn mái taluy âm và đường giao thông hai đầu cầu Tân Mai, bản Tân Mai, xã Nhôn Mai, tỉnh Nghệ An			16.420,0	16.420,0	16.420,0	
	Xã Mỹ Lý			31.995,4	31.995,4	31.995,4	
3	Xây dựng cầu cứng, đường giao thông 2 đầu cầu Yên Hòa, xã Mỹ Lý			31.995,4	31.995,4	31.995,4	
	Xã Mường Típ			9.759,0	9.759,0	9.759,0	
4	Xây dựng cầu cứng, đường giao thông 2 đầu cầu bản Huồi Khi, xã Mường Típ			9.759,0	9.759,0	9.759,0	